TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-05-2024
V/v: "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Ngà.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Khắc Hoàn và bà Vũ Thị Thanh
- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tham gia phiên tòa: bà ông Nguyễn Đăng Viện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/5/2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc: *"ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/04/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/04/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1996, nơi thường trú: khu C, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xử án vắng mặt.
- Bị đơn: anh Lê Xuân K - sinh năm: 1994; nơi thường trú: khu C, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/5/2023, bản tự khai ngày 15/01/2024 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện của chị như sau:
-Về tình cảm: chị và anh Lê Xuân K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P ngày 26/12/2018. Sau khi kết hôn chị và anh K chung sống cùng bố mẹ anh K tại khu C phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, do điều kiện kinh tế khó khăn, cuộc sống chung hay xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, mà ngày càng trầm trọng hơn, tháng 5 năm 2021 chị và anh K sống ly thân, chị và anh K không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy chị và anh K không còn tình cảm, nên chị xin ly hôn anh K.

-Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Lê Hoàng B – sinh ngày 03/06/2019, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và chị yêu cầu anh K cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Trong đơn xử án vắng mặt, chị T trình bày nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện .

Bị đơn là anh Lê Xuân K, vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, không có quan điểm của anh K.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Biên bản làm việc ngày 22/3/2024 tại khu C phường P thị xã Q tỉnh Quảng Ninh, trưởng khu C phường P cung cấp thông tin cho Tòa án: Chị Lê Thị T1 và anh Lê Xuân K kết hôn và về chung sống cùng nhau tại khu C phường P, quá trình chung chị T1 và anh K đã có mâu thuẫn, hai người đã xảy ra việc cãi nhau, chị T1 đã bỏ đi nơi khác sinh sống, chị T1 và anh K sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Chị T1 và anh K có 01 con chung là cháu Lê Hoàng B – sinh ngày 03/06/2029, cháu đang ở cùng mẹ. Chị T1 và anh K có tài sản và nợ chung hay không thì ông không biết. Biên bản làm việc ngày 22/03/2024 tại nhà ông Lê Xuân K1 là bố anh Lê Xuân K, ông K1 xác nhận do anh K thường xuyên vắng nhà vì vậy các văn bản tố tụng của Tòa án ông nhận thay anh K và ông đều gửi, thông báo cho anh K biết, anh K đã biết việc chị T1 xin ly hôn, nhưng anh K có nói lại với ông, khi anh K yêu và cưới chị T1 anh K đã hứa không bao giờ bỏ chị T1 vì vậy anh không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án làm việc. Ngoài ra ông K1 xác nhận chị T1 và anh K có 01 con chung là cháu Lê Hoàng B - sinh ngày 03/06/2019, chị T1 và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, nên được chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Xuân K, giao cho chị T quyền trực tiếp nuôi Lê Hoàng B – sinh ngày 03/6/2019 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Xuân K có nơi cư trú tại khu C phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con khi ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên theo quy định tại khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.
Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xử án vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có lý do; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T thì thấy: hôn nhân của chị T và anh Lê Xuân K là tự nguyện, có đăng kết hôn năm 2018 tại UBND phường P, thị xã Q là cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân của chị T và anh K là hợp pháp. Theo chị T trình bày và tài liệu do Tòa án thu thập thì từ tháng 5/2021 chị T và anh K đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định chị không còn tình cảm với anh K, chị xin ly hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh K, hai người không còn chung sống cùng nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay, thời gian sống ly thân khá dài, giữa hai người không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị T là căn cứ theo quy đinh tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên yêu cầu ly hôn của chị T2 được chấp nhận.

Về con chung: chị T và anh K có 01 con chung là Lê Hoàng B – sinh ngày 03/06/2019, thời gian ly thân chị T là người nuôi con, vì vậy xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.Về cấp dưỡng, do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3]Về án phí: chị T khởi kiện vụ án ly hôn, nên chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; điều 82, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T;

-Về tình cảm: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Xuân K.

-Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hoàng B - sinh ngày 03/06/2019, cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Lê Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con, anh K có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

-Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003817 ngày 15/01/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Q, chị đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh.*
- *VKSND tx.Quảng Yên;*
- *Chi cục THADS tx Quảng Yên;*
- *UBND phường Phong Hải,, tx Quảng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Minh Ngà